

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 02 - 2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Mai Văn Khánh.

**Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Lâm Tới.

- Bà Nguyễn Thị Mai.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Kim Sol - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 210/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã P, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

**Bị đơn:** Anh Trần Văn G, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ 6, khóm X, thị trấn T, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

( *Chị L và anh G có đơn xin xét xử vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2022, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Văn G quen biết, do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc. Khoảng tháng 9 năm 2019 chị và anh G xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt chị và anh G sống ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống

ly thân, chị và anh G có gặp nhau nói chuyện hàn gắn vợ chồng nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn G.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung tên Trần Thị Anh Th, sinh ngày 26/11/2013 hiện chị đang nuôi dạy, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn G trình bày:*

Năm 2012 anh và chị Trần Thị L tự nguyện chung sống nhưng chưa đăng ký kết hôn và khoảng năm 2019 giữa anh và chị L xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, từ đó giữa anh và chị L sống ly thân cho đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị L, do giữa anh và chị L không thể sống chung đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung tên Trần Thị Anh Th, sinh ngày 26/11/2013 hiện chị L đang nuôi dạy, khi ly hôn anh đồng ý cho chị L được tiếp tục nuôi dạy, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn G là bị đơn, hộ khẩu thường trú: Khóm X, thị trấn T, huyện Tịnh Biên, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Chị Trần Thị L cho rằng khoảng năm 2012 chị và anh Trần Văn G tự nguyện chung sống, nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, chị và anh G xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt khoảng tháng 9/2019 chị và anh G sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh G, mặc dù hôn nhân giữa chị L và anh G được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có con chung, nhưng do hai người không có đăng ký kết. Theo qui định tại khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh G không được chấp nhận mà tuyên bố không công nhận chị L và anh G là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị L và anh G, chị L được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 26/11/2013 anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh G xác nhận không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị L và anh Trần Văn G là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Trần Thị L được tiếp tục nuôi con tên Trần Thị Anh Th, sinh ngày 26/11/2013, anh Trần Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008657 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tịnh Biên;
- THA.DS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Văn Khánh**

